

HƯỚNG DẪN

Thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa XII và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN ĐẾN Số 222 ngày 25/10/2021. Chuyên:..... Lưu hồ sơ.....

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (gọi tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW);

- Căn cứ Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (gọi tắt là Nghị định số 143/2020/NĐ-CP);

- Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu (gọi tắt là Nghị định số 135/2020/NĐ-CP);

- Sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Văn phòng Trung ương Đảng; Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội như sau:

1. Phạm vi, đối tượng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Các cơ quan, tổ chức và đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương (gọi tắt là cơ quan, đơn vị) thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ bầu cử hoặc bổ nhiệm do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, tự nguyện có đơn đề nghị được thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

2. Cách tính tuổi nghỉ hưu để thực hiện chính sách, chế độ

Căn cứ tuổi nghỉ hưu của từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở trong năm thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình quy định tại Điều 169 của Bộ luật Lao động và Khoản 2 Điều 4, Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ để xem xét thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

2.1. Đối tượng tinh giản biên chế có tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động:

Đối tượng tinh giản biên chế có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi so với tuổi nghỉ hưu của năm thực hiện tinh giản biên chế quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên thì tùy từng trường hợp cụ thể được hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 4 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP).

2.2. Đối tượng tinh giản biên chế có tuổi nghỉ hưu thấp hơn tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động:

Đối tượng tinh giản biên chế có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi so với tuổi nghỉ hưu của năm thực hiện tinh giản biên chế quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 thì tùy từng trường hợp cụ thể được hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại khoản 1, Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP).

3. Thời hạn báo cáo và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị

3.1. Định kỳ 02 lần/năm, các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện tinh giản biên chế gửi về Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính theo đúng thời gian quy định (tại khoản 12, 13, Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ).

3.2. Hằng năm, cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm phê duyệt danh sách bảo đảm đúng đối tượng và thực hiện chi trả chế độ, chính sách đối với các trường hợp thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định, cụ thể:

- Đối với cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương (nơi có đối tượng tinh giản biên chế): Vụ (ban) tổ chức thuộc cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập dự toán số tiền trợ cấp để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chuyển đến vụ (ban) tài chính

của cơ quan, đơn vị cùng cấp để phối hợp thực hiện việc chi trả chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Đối với cơ quan tham mưu, đơn vị của Đảng ở Trung ương (là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc) khi lập danh sách và dự toán kinh phí phải có ý kiến xác nhận của Văn phòng Trung ương Đảng (đơn vị dự toán cấp I) để kiểm tra cấp, phát tài chính theo quy định.

- Đối với tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương: Ban Tổ chức tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế thuộc thẩm quyền quản lý và gửi ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cùng cấp (qua sở tài chính) để thực hiện việc chi trả chế độ, chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế từ nguồn chi ngân sách thường xuyên hằng năm theo quy định.

4. Các nội dung khác được thống nhất thực hiện theo quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Hướng dẫn này có hiệu lực từ ngày ký. Các trường hợp tinh giản biên chế đã được cấp có thẩm quyền giải quyết trước ngày ban hành Hướng dẫn này thì vẫn tiếp tục thực hiện.

5.2. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập các đoàn kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh về Ban Tổ chức Trung ương để cùng thống nhất giải quyết.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (để b/c),
- Đ/c Trưởng Ban (để b/c),
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các ban, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương,
- Cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức CT-XH,
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính,
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam,
- Các đ/c Phó Trưởng ban,
- Các vụ, cục, đơn vị trong Ban,
- Lưu VP, Vụ CSCB.



Hoàng Đăng Quang